

Số: 08/2018/QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 02 tháng 3 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Ban hành Quy chế thi đua, khen thưởng tỉnh Cao Bằng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, Khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng;*

*Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thi đua, khen thưởng tỉnh Cao Bằng.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2018 và thay thế Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế Thi đua, khen thưởng tỉnh Cao Bằng.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, doanh nghiệp; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thành viên Hội đồng thi đua, khen thưởng tỉnh; các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản, Bộ Tư pháp;
- Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ VN tỉnh Cao Bằng;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Huyện ủy, HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Hoàng Xuân Ánh

**QUY CHẾ****Thi đua, khen thưởng tỉnh Cao Bằng**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 08 /2018/QĐ-UBND ngày 02 tháng 3 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)*

**Chương I****NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định về nội dung thi đua, tổ chức các phong trào thi đua; danh hiệu thi đua; hình thức, đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng; thẩm quyền khen thưởng, trình tự, thủ tục, hồ sơ đề nghị khen thưởng; quỹ thi đua, khen thưởng; quyền, nghĩa vụ của cá nhân, tập thể về thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy chế này áp dụng đối với công dân Việt Nam; các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế thuộc các thành phần kinh tế, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân; gia đình; người Việt Nam ở nước ngoài; người nước ngoài, cơ quan, tổ chức nước ngoài và các tổ chức quốc tế hoạt động trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

**Điều 3. Nguyên tắc, căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua và khen thưởng**

1. Nguyên tắc, mục tiêu, căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua

a) Nguyên tắc thi đua: Tự nguyện, tự giác, công khai, đoàn kết, hợp tác và cùng phát triển.

b) Mục tiêu thi đua: Nhằm tạo động lực động viên, lôi cuốn, khuyến khích mọi cá nhân, tập thể phát huy truyền thống yêu nước, năng động, sáng tạo vươn lên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

c) Căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua: Quy định của phong trào thi đua; đăng ký thi đua của tập thể, cá nhân tham gia phong trào thi đua; thành tích đạt được trong phong trào thi đua của tập thể, cá nhân.

2. Nguyên tắc khen thưởng

a) Chính xác, công khai, công bằng, kịp thời.

b) Bảo đảm thống nhất giữa tính chất, hình thức, phù hợp với đối tượng, chức năng, nhiệm vụ được giao của tập thể, cá nhân và thành tích đạt được.

c) Kết hợp chặt chẽ giữa động viên tinh thần với khuyến khích bằng lợi ích vật chất.

d) Khen thưởng phải căn cứ vào điều kiện, tiêu chuẩn và thành tích đạt được, không nhất thiết phải có hình thức khen thưởng mức thấp mới được khen thưởng mức cao hơn. Chú trọng khen thưởng tập thể nhỏ và cá nhân là người trực tiếp lao động, sản xuất, học tập, công tác hoặc chiến đấu, phục vụ chiến đấu.

đ) Một hình thức khen thưởng có thể tặng nhiều lần cho một đối tượng, không tặng thưởng nhiều hình thức cho một thành tích đạt được. Cá nhân trong cùng thời điểm nếu đã đề nghị tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp tỉnh thì không đề nghị tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo công trạng và thành tích đạt được.

e) Chỉ lấy kết quả khen thưởng về thành tích toàn diện để làm căn cứ xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng. Kết quả khen thưởng phong trào thi đua theo đợt (chuyên đề) được ghi nhận và ưu tiên khi xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

g) Khi có nhiều cá nhân, tập thể cùng đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì lựa chọn cá nhân nữ hoặc tập thể có tỷ lệ nữ từ 70% trở lên để xét khen thưởng. Đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý là nữ thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng quá trình công hiến được giảm 1/3 thời gian so với quy định chung; trường hợp quy định tuổi nghỉ hưu cao hơn thì thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng quá trình công hiến được thực hiện theo quy định chung.

h) Thời gian để đề nghị khen thưởng cho lần tiếp theo được tính theo thời gian lập được thành tích ghi trong Quyết định khen thưởng lần trước. Đối với Quyết định khen thưởng không ghi thời gian lập được thành tích thì thời gian trình khen thưởng lần sau được tính theo thời gian ban hành Quyết định khen thưởng lần trước.

3. Căn cứ khen thưởng: Tiêu chuẩn khen thưởng; phạm vi, mức độ ảnh hưởng của thành tích; trách nhiệm và hoàn cảnh cụ thể lập được thành tích.

4. Chưa xét tặng danh hiệu thi đua và khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng tập thể, cá nhân trong thời gian cơ quan có thẩm quyền đang xem xét thi hành kỷ luật hoặc đang điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo đang được xác minh làm rõ; không xét khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được đối với

đơn vị có chỉ số cải cách hành chính dưới 50% hoặc có thời gian hoạt động dưới 12 tháng.

## **Chương II**

### **TỔ CHỨC THI ĐUA, DANH HIỆU VÀ TIÊU CHUẨN**

#### **DANH HIỆU THI ĐUA**

##### **Mục 1**

#### **HÌNH THỨC, NỘI DUNG VÀ TRÁCH NHIỆM**

#### **TRONG TỔ CHỨC THI ĐUA**

##### **Điều 4. Hình thức tổ chức phong trào thi đua**

1. Thi đua thường xuyên là hình thức thi đua căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của cá nhân, tập thể để tổ chức phát động, nhằm thực hiện tốt công việc hàng ngày, hàng tháng, hàng quý, hàng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Đối tượng thi đua thường xuyên là các cá nhân trong một tập thể, các tập thể trong cùng một cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị có chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc tương đồng nhau.

Việc tổ chức phong trào thi đua thường xuyên phải xác định rõ mục đích, yêu cầu, mục tiêu, các chỉ tiêu cụ thể và được triển khai thực hiện tại cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc theo cụm, khối thi đua để phát động phong trào thi đua, ký kết giao ước thi đua. Kết thúc năm công tác, thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, trưởng các cụm, khối thi đua tiến hành tổng kết và bình xét các danh hiệu thi đua.

2. Thi đua theo đợt (chuyên đề) là hình thức thi đua nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm hoặc một lĩnh vực cần tập trung được xác định trong khoảng thời gian nhất định để phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Chỉ phát động thi đua theo đợt khi đã xác định rõ thời gian, mục đích, yêu cầu, chỉ tiêu, nội dung và giải pháp.

a) Trước khi tổ chức phong trào thi đua theo đợt (chuyên đề) có phạm vi trong tỉnh có thời gian từ 03 năm trở lên Ủy ban nhân dân tỉnh gửi kế hoạch tổ chức phát động phong trào thi đua về Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương để theo dõi, tổng hợp và hướng dẫn xét khen thưởng.

b) Việc sơ kết, tổng kết phong trào thi đua theo đợt tổ chức trong phạm vi tỉnh: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện việc khen thưởng theo thẩm quyền. Khi sơ kết, tổng kết phong trào thi đua từ 03 năm trở lên, lựa chọn tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trình Thủ tướng Chính phủ xét tặng Bằng khen; phong trào thi đua từ 05 năm trở lên, lựa chọn tập thể, cá nhân có

thành tích đặc biệt xuất sắc theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP để trình cơ quan có thẩm quyền xét khen thưởng.

### **Điều 5. Nội dung tổ chức phong trào thi đua**

1. Xác định rõ mục tiêu, phạm vi, đối tượng thi đua, trên cơ sở đó đề ra các chỉ tiêu, nội dung thi đua và giải pháp thực hiện. Việc xác định nội dung và chỉ tiêu thi đua phải đảm bảo khoa học, phù hợp với thực tế của cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương và có tính khả thi.

2. Căn cứ vào đặc điểm, tính chất công tác, lao động, nghề nghiệp, phạm vi và đối tượng tham gia thi đua để đề ra nội dung, hình thức tổ chức phát động thi đua cho phù hợp. Coi trọng việc tuyên truyền về nội dung và ý nghĩa của đợt thi đua, phát huy tinh thần trách nhiệm, ý thức tự giác của quần chúng.

3. Triển khai các biện pháp tổ chức vận động quần chúng tham gia phong trào thi đua và theo dõi quá trình tổ chức thực hiện. Tổ chức chỉ đạo điểm để đánh giá kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế và đề ra các biện pháp khắc phục để chỉ đạo, thực hiện có hiệu quả trong thời gian tiếp theo.

4. Tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả phong trào thi đua và lựa chọn tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, tiêu biểu để khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền để biểu dương, tôn vinh các gương điển hình tiên tiến đã lập thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua.

### **Điều 6. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong triển khai, tổ chức phong trào thi đua**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức phát động, chỉ đạo phong trào thi đua trên địa bàn toàn tỉnh; khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng đối với tập thể, cá nhân trong phạm vi toàn tỉnh.

2. Thủ trưởng các cơ quan Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Cao Bằng, đoàn thể các cấp; các cơ quan nhà nước, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (cấp huyện); các xã, phường, thị trấn (cấp xã); Giám đốc các doanh nghiệp, hợp tác xã tổ chức phát động, nhân rộng phong trào thi đua; chủ động phát hiện, đánh giá, lựa chọn tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu (là điển hình tiên tiến) trong phạm vi quản lý để khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng theo quy định của pháp luật.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Cao Bằng, các tổ chức thành viên của Mặt trận, các tổ chức xã hội khác trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

a) Tổ chức hoặc phối hợp với các cơ quan nhà nước để phát động, triển khai các cuộc vận động, các phong trào thi đua, phổ biến kinh nghiệm, nhân rộng các điển hình tiên tiến.

b) Phối hợp, thống nhất hành động giữa các tổ chức thành viên, tham gia với các cơ quan chức năng tuyên truyền, động viên đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân tham gia phong trào thi đua và thực hiện chính sách khen thưởng.

c) Giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng; kịp thời phản ánh, đề xuất các giải pháp để thực hiện các quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

4. Cơ quan thông tin đại chúng có trách nhiệm phản ánh đúng kết quả của phong trào thi đua và công tác khen thưởng; thường xuyên tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng; phát hiện các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua; biểu dương, tôn vinh, nêu gương các điển hình tiên tiến, người tốt, việc tốt; đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.

### **Điều 7. Trách nhiệm của cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng**

1. Cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng các cấp, các ngành căn cứ vào nhiệm vụ, chỉ tiêu cụ thể của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm, 5 năm và nhiệm vụ chính trị được giao để tham mưu, đề xuất với cấp ủy đảng, chính quyền về chủ trương, nội dung, chương trình, kế hoạch, biện pháp thi đua, đặc biệt coi trọng công tác tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân tham gia phong trào thi đua; chủ động phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Cao Bằng và các tổ chức thành viên trong việc hướng dẫn, tổ chức các phong trào thi đua và kiểm tra việc thực hiện; tham mưu sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua, nhân rộng các điển hình tiên tiến; đề xuất khen thưởng và các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác khen thưởng.

2. Hội đồng thi đua, khen thưởng tỉnh có trách nhiệm tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức phát động và chỉ đạo phong trào thi đua trên địa bàn tỉnh.

## **Mục 2**

### **DANH HIỆU THI ĐUA, TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA, THẨM QUYỀN CÔNG NHẬN DANH HIỆU THI ĐUA**

#### **Điều 8. Danh hiệu thi đua**

Danh hiệu thi đua là hình thức để ghi nhận, biểu dương, tôn vinh cá nhân, tập thể có thành tích trong các phong trào thi đua. Danh hiệu thi đua được xét công nhận hàng năm.

1. Các danh hiệu thi đua đối với cá nhân:

a) Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”.

b) Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”.

c) Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

d) Danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

2. Các danh hiệu thi đua đối với tập thể:

a) Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”.

b) Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”.

c) Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”.

d) Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”.

### **Điều 9. Danh hiệu "Lao động tiên tiến"**

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”, được xét tặng mỗi năm một lần vào dịp tổng kết công tác của cơ quan, đơn vị.

2. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”, được xét tặng cho cán bộ, công chức, viên chức đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đạt năng suất và chất lượng cao.

b) Chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có tinh thần tự lực, tự cường; đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia phong trào thi đua.

c) Tích cực học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ.

d) Có đạo đức, lối sống lành mạnh.

đ) Đạt tỷ lệ phiếu bầu đồng ý từ 70% trở lên tính trên tổng số thành viên Hội đồng thi đua, khen thưởng của cơ quan, đơn vị.

3. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” xét tặng cho công nhân, nông dân, người lao động không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều này đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Lao động sản xuất có hiệu quả, tích cực tham gia phong trào thi đua và hoạt động xã hội.

b) gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; có đạo đức, lối sống lành mạnh, đoàn kết, tương trợ giúp đỡ mọi người trong cộng đồng.

c) Đạt tỷ lệ phiếu bầu đồng ý từ 70% trở lên tính trên tổng số thành viên Hội đồng thi đua, khen thưởng của cơ quan, đơn vị.

4. Thời gian, điều kiện công tác để xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”:

a) Cá nhân tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản của Nhà nước, của nhân dân dẫn đến bị thương

tích cần điều trị, điều dưỡng theo kết luận của cơ sở y tế cấp huyện hoặc tương đương trở lên thì thời gian điều trị, điều dưỡng được tính để bình xét, tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

b) Cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 01 năm, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì thời gian học tập được tính vào thời gian công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị để bình xét, tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”. Trường hợp cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ 01 năm trở lên, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, có kết quả học tập từ loại khá trở lên thì được tính để bình xét, tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

c) Thời gian nghỉ thai sản theo quy định được tính để bình xét, tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

d) Đối với cá nhân chuyên công tác, cơ quan, tổ chức, đơn vị mới có trách nhiệm bình xét, tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” (trường hợp có thời gian công tác ở cơ quan cũ từ 06 tháng trở lên phải có ý kiến nhận xét của cơ quan cũ).

Trường hợp cá nhân được điều động, biệt phái đến cơ quan, tổ chức, đơn vị khác trong một thời gian nhất định thì việc bình xét, tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” do cơ quan, tổ chức, đơn vị điều động, biệt phái xem xét quyết định và được cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận cá nhân được điều động, biệt phái xác nhận.

đ) Không xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” đối với các cá nhân mới tuyển dụng dưới 10 tháng; bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên.

5. Thẩm quyền xét, đề nghị: Hội đồng thi đua, khen thưởng cơ sở.

6. Thẩm quyền quyết định: Thủ trưởng cơ quan chuyên môn và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, hợp tác xã.

#### **Điều 10. Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở"**

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” được xét tặng mỗi năm một lần vào dịp tổng kết công tác của cơ quan, đơn vị.

2. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Là “Lao động tiên tiến”.

b) Có sáng kiến để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác được công nhận hoặc có đề tài nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu được áp dụng tại cơ quan tổ chức, đơn vị.

Sáng kiến (là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp công tác, giải pháp tác nghiệp, giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật) hoặc đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét tặng danh hiệu “chiến sĩ thi đua cơ sở” phải được áp dụng thực tiễn đạt hiệu quả cao và có phạm vi ảnh hưởng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Việc đánh giá mức độ ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học do Hội đồng sáng kiến, Hội đồng khoa học cấp cơ sở giúp người đứng đầu cơ quan, đơn vị xem xét, công nhận.

c) Đạt tỷ lệ phiếu bầu đồng ý từ 70% trở lên tính trên tổng số thành viên Hội đồng thi đua, khen thưởng của cơ quan, đơn vị.

3. Số lượng khen thưởng: Không quá 15% tổng số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

4. Thẩm quyền xét, đề nghị: Hội đồng thi đua, khen thưởng cơ sở.

5. Thẩm quyền khen thưởng: Thủ trưởng cơ quan chuyên môn và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, hợp tác xã.

### **Điều 11. Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh"**

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” được xét tặng thường xuyên hàng năm cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong số những cá nhân ba lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”;

b) Có sáng kiến để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác được công nhận hoặc là thành viên tham gia đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh đã được nghiệm thu, đánh giá đạt yêu cầu trở lên.

Sáng kiến (là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp công tác, giải pháp tác nghiệp, giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật) hoặc đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” phải được áp dụng thực tiễn đạt hiệu quả cao và có phạm vi ảnh hưởng trong toàn tỉnh.

Việc đánh giá mức độ ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học do Hội đồng sáng kiến, Hội đồng khoa học cấp tỉnh giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, công nhận.

c) Đạt tỷ lệ phiếu bầu đồng ý từ 90% trở lên tính trên tổng số thành viên Hội đồng thi đua, khen thưởng tỉnh.

2. Thẩm quyền xét, đề nghị: Hội đồng thi đua, khen thưởng tỉnh.

3. Thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

### **Điều 12. Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc"**

1. Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc" được xét tặng cho cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc nhất được lựa chọn trong số những cá nhân có hai lần liên tục đạt danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh".

2. Có sáng kiến đề tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác được công nhận hoặc là thành viên tham gia đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh đã được nghiệm thu, đánh giá đạt yêu cầu trở lên.

Sáng kiến (là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp công tác, giải pháp tác nghiệp, giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật) hoặc đề tài nghiên cứu khoa học, để làm căn cứ xét tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc" phải được áp dụng thực tiễn đạt hiệu quả cao và có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc.

Việc công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, công nhận.

3. Đạt tỷ lệ phiếu bầu đồng ý từ 90% trở lên tính trên tổng số thành viên Hội đồng thi đua, khen thưởng tỉnh.

4. Thẩm quyền xét, đề nghị: Hội đồng thi đua, khen thưởng tỉnh.

5. Thẩm quyền quyết định: Thủ tướng Chính phủ.

### **Điều 13. Danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến"**

1. Danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến" được xét tặng cho tập thể mỗi năm một lần vào dịp tổng kết công tác của cơ quan, đơn vị.

2. Đối tượng

a) Đối với các đơn vị sản xuất kinh doanh gồm: Doanh nghiệp, hợp tác xã... (trừ các tập đoàn kinh tế, tổng công ty) và các đơn vị trực thuộc như xí nghiệp, phòng, phân xưởng.

b) Đối với cấp tỉnh gồm: Phòng, ban và tương đương thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương.

c) Đối với cấp huyện gồm: Phòng, ban và tương đương; các đơn vị trực thuộc cấp huyện; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

d) Đối với đơn vị sự nghiệp gồm: Trường học, bệnh viện và tương đương; các đơn vị trực thuộc như khoa, phòng.

### 3. Tiêu chuẩn:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ và kế hoạch được giao.

b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, có hiệu quả.

c) Có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến" và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

d) Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

đ) Đạt tỷ lệ phiếu bầu đồng ý từ 70% trở lên tính trên tổng số thành viên Hội đồng thi đua, khen thưởng cơ sở.

### 4. Thẩm quyền xét, đề nghị: Hội đồng thi đua, khen thưởng cơ sở.

5. Thẩm quyền quyết định: Thủ trưởng cơ quan chuyên môn và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, hợp tác xã.

## **Điều 14. Danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc"**

1. Danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc" được xét tặng cho tập thể mỗi năm một lần vào dịp tổng kết công tác của cơ quan, đơn vị.

2. Đối tượng: Là tập thể tiêu biểu, được lựa chọn trong số các tập thể đạt danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến".

### 3. Tiêu chuẩn:

a) Sáng tạo, vượt khó, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước.

b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả.

c) Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến".

d) Có cá nhân đạt danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

e) Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

g) Đạt tỷ lệ phiếu bầu đồng ý từ 70% trở lên tính trên tổng số thành viên Hội đồng thi đua, khen thưởng cơ sở.

4. Số lượng khen thưởng: Không quá 30% so với tổng số tập thể trực thuộc trong cơ quan, đơn vị.

5. Thẩm quyền xét, đề nghị: Sở Nội vụ.

6. Thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

**Điều 15. Danh hiệu "Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh"**

1. Đối tượng:

a) Đơn vị tham gia cụm, khối thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập.

b) Đơn vị cơ sở: Tham gia cụm, khối thi đua do sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố thành lập và quản lý gồm: xã, phường, thị trấn; các đơn vị trực thuộc ngành, có tư cách pháp nhân (trường học, trung tâm, bệnh viện, chi cục và tương đương).

2. Tiêu chuẩn: Tặng cho tập thể tiêu biểu, xuất sắc, dẫn đầu phong trào thi đua trong mỗi cụm, khối thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập hoặc mỗi cụm, khối thi đua do mỗi ngành, địa phương thành lập và đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Thực hiện tốt đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các quy định của ngành, địa phương; xây dựng cơ quan, đơn vị vững mạnh.

b) Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm.

c) Có nhân tố mới, mô hình mới để các tập thể khác trong khối và trong tỉnh học tập.

d) Nội bộ đoàn kết, tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác.

đ) Đạt tỷ lệ phiếu bầu đồng ý từ 70% trở lên tính trên tổng số thành viên Hội đồng thi đua, khen thưởng tỉnh.

Việc công nhận là tập thể tiêu biểu xuất sắc nhất để tặng Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh phải được thông qua bình xét, đánh giá, so sánh, suy tôn trong khối thi đua. Hội đồng thi đua, khen thưởng tỉnh xét tặng Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ vào tiêu chuẩn, kết quả chấm điểm thi đua, biên bản bình xét, lựa chọn và suy tôn của các khối thi đua.

3. Thẩm quyền xét, đề nghị: Hội đồng thi đua, khen thưởng tỉnh.

4. Thẩm quyền khen thưởng: Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Đối với phong trào thi đua chuyên đề, Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Cờ thi đua cho tập thể tiêu biểu xuất sắc của các phong trào thi đua theo đợt (chuyên

đề) khi sơ kết, tổng kết từ 05 năm trở lên; thủ tục, hồ sơ xét tặng thực hiện theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh trong từng phong trào cụ thể.

### **Điều 16. Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”**

1. “Cờ thi đua của Chính phủ” được xét tặng cho các tập thể tiêu biểu xuất sắc dẫn đầu trong số các tập thể đạt tiêu chuẩn “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” và đạt tỷ lệ phiếu bầu đồng ý từ 70% trở lên tính trên tổng số thành viên Hội đồng thi đua, khen thưởng tỉnh.

2. Số lượng tập thể được xét, đề nghị tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” không quá 20% tổng số tập thể đạt tiêu chuẩn tặng Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh.

## **Chương III**

### **HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN VÀ THẨM QUYỀN KHEN THƯỞNG**

#### **Điều 17. Các loại hình khen thưởng**

1. Khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được là hình thức khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc hoặc hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Mức độ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đối với tập thể, cá nhân do cấp trình khen thưởng căn cứ theo quy định xem xét, đánh giá, công nhận.

2. Khen thưởng theo đợt (chuyên đề) là khen thưởng cho tập thể, cá nhân đạt được thành tích xuất sắc sau khi kết thúc đợt thi đua do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị phát động.

3. Khen thưởng đột xuất là khen thưởng cho tập thể, cá nhân lập được thành tích đột xuất.

Thành tích đột xuất là thành tích đạt được ngoài chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ mà tập thể, cá nhân phải đảm nhiệm.

Thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất là thành tích đột xuất đạt được ở mức độ đặc biệt xuất sắc khi dũng cảm cứu người, cứu tài sản của nhân dân, của Nhà nước hoặc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc lập được thành tích đặc biệt xuất sắc trong các lĩnh vực được khu vực hoặc thế giới ghi nhận.

4. Khen thưởng quá trình cống hiến là khen thưởng cho cá nhân có quá trình tham gia hoạt động trong các giai đoạn cách mạng, giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, có công lao, thành tích xuất sắc, đóng góp vào sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc.

5. Khen thưởng theo niên hạn là khen thưởng cho cá nhân thuộc Quân đội nhân dân và Công an nhân dân, có thành tích, có thời gian tham gia xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân theo quy định.

6. Khen thưởng đối ngoại là khen thưởng cho tập thể, cá nhân người nước ngoài có thành tích đóng góp vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam ở một trong các lĩnh vực: Chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng, ngoại giao hoặc lĩnh vực khác.

### **Điều 18. Hình thức khen thưởng**

1. Huân chương: “Huân chương Sao vàng”; “Huân chương Hồ Chí Minh”; “Huân chương Độc lập” (hạng nhất, hạng nhì, hạng ba); “Huân chương Lao động” (hạng nhất, hạng nhì, hạng ba); “Huân chương Đại đoàn kết dân tộc”; “Huân chương Dũng cảm”; “Huân chương Hữu nghị”.

2. Danh hiệu vinh dự Nhà nước: “Tinh Anh hùng”; “Bà mẹ Việt Nam Anh hùng”; “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”; “Anh hùng Lao động”; “Nhà giáo Nhân dân”, “Nhà giáo ưu tú”; “Thầy thuốc Nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú”; “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”; “Nghệ nhân nhân dân”; “Nghệ nhân ưu tú”.

3. Giải thưởng: Giải thưởng Hồ Chí Minh; Giải thưởng Nhà nước.

4. Kỷ niệm chương, Huy hiệu.

5. Bằng khen.

6. Giấy khen.

### **Điều 19. Khen thưởng cấp nhà nước**

Các hình thức khen thưởng cấp nhà nước gồm: Huân chương, Huy chương, danh hiệu vinh dự Nhà nước, Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước; Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ thực hiện theo Luật thi đua, khen thưởng; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và quy định tại các điều từ Điều 14 đến Điều 36 và Điều 38 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

### **Điều 20. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh**

1. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Hai năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở.

b) Có thành tích xuất sắc tiêu biểu trong việc thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, các Chỉ thị, Nghị quyết... của Trung ương Đảng, Nhà nước và của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh; có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong các phong trào thi đua theo đợt (chuyên đề) khi sơ kết, tổng kết kết quả thực hiện từ 02 năm trở lên hoặc tổng kết ngành từ 05 năm trở lên hoặc nhân dịp đại hội nhiệm kỳ của các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp.

Các cơ quan, đơn vị tổ chức sơ kết, tổng kết, đại hội... chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với cơ quan thường trực của Hội đồng thi đua, khen thưởng tỉnh để thống nhất hướng dẫn cụ thể về tiêu chuẩn, đối tượng, số lượng khen thưởng; đối tượng được khen thưởng theo chuyên đề phải được xét chọn trong số các cá nhân trực tiếp thực hiện. Số lượng khen thưởng tối đa không quá 05 cá nhân (trừ trường hợp đặc biệt có sự chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh).

c) Cá nhân có thành tích đột xuất xuất sắc trong các lĩnh vực: kinh tế, an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội, phòng chống cháy nổ, thiên tai, cứu hộ, cứu nạn và các lĩnh vực khác có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn tỉnh; cá nhân đạt giải trong các kỳ thi, hội thi, hội diễn quốc tế; giải nhất, nhì, ba (hoặc tương đương) cấp quốc gia; giải nhất, nhì (hoặc tương đương) khu vực liên tỉnh trong nước và giải nhất (hoặc tương đương) chuyên ngành cấp tỉnh.

d) Cá nhân là người Việt Nam ở ngoài tỉnh, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài có công đóng góp lớn cho sự phát triển của tỉnh Cao Bằng trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa và các lĩnh vực khác; cá nhân có nhiều đóng góp trong hoạt động nhân đạo, từ thiện trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

e) Các trường hợp khen thưởng khác theo chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Tập thể thuộc cụm, khối thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập có thành tích xuất sắc, được bình xét trong phong trào thi đua thường xuyên hàng năm.

b) 02 năm liên tục đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với mọi thành viên trong tập thể.

c) Nhân dân và cán bộ xã, phường, thị trấn hoàn thành xuất sắc, vượt mức các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong năm (hàng năm Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố lựa chọn không quá 20% số xã, phường, thị trấn đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng thưởng Bằng khen).

d) Có thành tích xuất sắc tiêu biểu trong việc thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, các Chỉ thị, Nghị quyết... của Trung ương Đảng, Nhà nước và của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, các phong trào thi đua theo đợt (chuyên đề) khi sơ kết, tổng kết kết quả thực hiện từ 02 năm trở lên hoặc tổng kết ngành từ 05 năm trở lên hoặc đại hội nhiệm kỳ của các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp.

Các cơ quan, đơn vị tổ chức sơ kết, tổng kết, đại hội...chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với cơ quan thường trực của Hội đồng thi đua, khen thưởng tỉnh để thống nhất hướng dẫn cụ thể về tiêu chuẩn, đối tượng, số lượng khen thưởng; đối tượng được khen thưởng theo chuyên đề phải được xét chọn trong số các tập thể trực tiếp thực hiện. Số lượng khen thưởng tối đa không quá 05 tập thể (trừ trường hợp đặc biệt có sự chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh).

đ) Tập thể có thành tích đột xuất xuất sắc trong các lĩnh vực: Kinh tế, an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội, phòng chống cháy nổ, thiên tai, cứu hộ, cứu nạn và các lĩnh vực khác có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn tỉnh; tập thể đạt giải trong các kỳ thi, hội thi, hội diễn quốc tế; giải nhất, nhì, ba (hoặc tương đương) cấp quốc gia; giải nhất, nhì (hoặc tương đương) khu vực liên tỉnh trong nước và giải nhất (hoặc tương đương) chuyên ngành cấp tỉnh.

e) Tổ chức ngoài tỉnh, tổ chức nước ngoài có công đóng góp lớn cho sự phát triển của tỉnh Cao Bằng trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa và các lĩnh vực khác; tổ chức có nhiều đóng góp trong hoạt động nhân đạo, từ thiện trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

g) Các trường hợp khen thưởng khác theo chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho công nhân, nông dân, người lao động gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất trong lao động, sản xuất có phạm vi ảnh hưởng trong địa bàn cấp xã, cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã.

b) Công nhân có sáng kiến mang lại lợi ích giá trị cao có phạm vi ảnh hưởng trong đơn vị, doanh nghiệp, hợp tác xã và có đóng góp trong việc đào tạo, bồi dưỡng, giúp đỡ đồng nghiệp để nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề.

c) Nông dân có mô hình sản xuất hiệu quả và ổn định từ 01 năm trở lên, giúp đỡ hộ nông dân xóa đói giảm nghèo và tạo việc làm cho người lao động.

4. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho hộ gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có nhiều đóng góp về công sức, đất đai, tài sản cho địa phương, xã hội có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên.

5. Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trực thuộc ngành dọc trung ương hoặc các Tổng công ty, tập đoàn tham gia khối thi đua của tỉnh đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen cho các tập thể trực thuộc và cá nhân trong các phong trào thi đua chuyên đề. Việc khen thưởng trong phong trào thi đua thường xuyên hàng năm thực hiện theo quy định về tuyến trình khen thưởng quy định tại Điều 46 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

## **Điều 21. Giấy khen**

### **1. Thẩm quyền**

a) Giấy khen của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, hợp tác xã.

b) Giấy khen của Thủ trưởng cơ quan chuyên môn và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

c) Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

d) Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

### **2. Tiêu chuẩn**

a) Giấy khen để tặng cho cá nhân đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- Có thành tích được bình xét trong phong trào thi đua.

- Lập được thành tích đột xuất.

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ, nghĩa vụ công dân; có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

b) Giấy khen để tặng cho tập thể đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua.

- Lập được thành tích đột xuất.

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ; nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

c) Giấy khen tặng cho hộ gia đình

- Giấy khen của Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện để tặng cho hộ gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong hai tiêu chuẩn sau:

+ Tiên phong đi đầu trong các phong trào thi đua do các cấp phát động, có phạm vi ảnh hưởng rộng rãi đối với đơn vị, địa phương.

+ Có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội có giá trị từ 30 triệu đồng trở lên.

- Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã để tặng cho hộ gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong 02 tiêu chuẩn sau:

+ Tiên phong đi đầu trong các phong trào thi đua do các cấp phát động, có phạm vi ảnh hưởng rộng rãi đối với địa phương.

+ Có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội có giá trị từ 10 triệu đồng trở lên.

3. Việc tặng thưởng Giấy khen được tiến hành thường xuyên, kịp thời cho các cá nhân, tập thể hoàn thành tốt nhiệm vụ ngay sau khi kết thúc đợt thi đua ngắn ngày, đợt thi đua theo chuyên đề hoặc hoàn thành một hạng mục công trình và do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp xem xét, quyết định.

## **Chương IV**

### **THỦ TỤC, HỒ SƠ XÉT DANH HIỆU THI ĐUA VÀ KHEN THƯỞNG**

#### **Điều 22. Quy định về thủ tục, hồ sơ**

1. Thủ tục, hồ sơ đề nghị xét danh hiệu thi đua và khen thưởng thực hiện theo quy định của Luật thi đua, khen thưởng và Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

2. Hồ sơ, thủ tục đơn giản

a) Các trường hợp xét khen thưởng theo thủ tục đơn giản gồm:

- Việc khen thưởng phục vụ yêu cầu chính trị, kịp thời động viên, khích lệ quần chúng.

- Tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng thành tích đột xuất; tập thể, cá nhân có thành tích đóng góp cho sự phát triển của tỉnh và trong hoạt động nhân đạo, từ thiện trên địa bàn tỉnh; khen thưởng cho công nhân, nông dân.

- Thành tích, công trạng rõ ràng.

b) Cơ quan, tổ chức, đơn vị xét và đề nghị khen thưởng ngay sau khi cá nhân, tập thể lập được thành tích xuất sắc, đột xuất.

c) Hồ sơ đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản thực hiện theo quy định của Luật thi đua, khen thưởng và Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho ý kiến bằng văn bản trước khi trình Thủ tướng Chính phủ về các trường hợp khen thưởng sau:

a) Cá nhân thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

b) Các hình thức khen thưởng: “Huân chương Sao vàng”, “Huân chương Hồ Chí Minh”, “Huân chương Độc lập” (các hạng), danh hiệu “Nhà giáo nhân dân”, “Thầy thuốc nhân dân”, “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ nhân nhân dân”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, “Anh hùng Lao động”, “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”.

4. Trước khi trình khen thưởng Huân chương, danh hiệu vinh dự nhà nước, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, Sở Nội vụ lấy ý kiến nhân dân trên các phương tiện truyền thông của tỉnh (Báo, Công thông tin, Đài phát thanh truyền hình...) trong thời hạn 10 ngày làm việc (trừ trường hợp có thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất).

5. Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng phải phù hợp với hình thức, mức hạng khen thưởng theo quy định. Nội dung báo cáo thành tích thực hiện theo các mẫu (từ số 01 đến số 09) Phụ lục kèm theo Nghị định số 91/2017/NĐ-CP. Số lượng hồ sơ đề nghị các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước tăng thêm 01 bộ so với quy định tại Luật thi đua, khen thưởng và Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ để thực hiện việc lưu trữ tại tỉnh.

6. Đối với những cơ quan, tổ chức, đơn vị có nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước, khi trình các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng: Cờ thi đua, Bằng khen, Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh, “Tập thể lao động xuất sắc” và các hình thức khen thưởng cấp nhà nước cho tập thể hoặc cá nhân là thủ trưởng đơn vị, trong hồ sơ khen thưởng phải có văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế có thẩm quyền.

Hồ sơ đề nghị khen thưởng đối với doanh nghiệp phải có báo cáo kết quả kiểm toán trong thời gian từ 05 năm trở lên trước thời điểm đề nghị khen thưởng. Đối với doanh nghiệp không thuộc đối tượng kiểm toán trong báo cáo thành tích phải nêu căn cứ không thuộc đối tượng kiểm toán.

7. Đối với việc đề nghị khen thưởng cho tổ chức nước ngoài và cá nhân nước ngoài, các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phải gửi văn bản xin ý kiến Sở Ngoại vụ trước khi trình đề nghị khen thưởng.

8. Cá nhân đã nghỉ hưu (hoặc hi sinh, tử trần), nay đơn vị đã giải thể hoặc sáp nhập thì đơn vị tiếp nhận nhiệm vụ của cơ quan đó có trách nhiệm xem xét, đề nghị khen thưởng; cá nhân đã nghỉ hưu (hoặc hi sinh, tử trần) hồ sơ đề nghị khen thưởng do cơ quan quản lý cán bộ trước khi nghỉ hưu (hoặc hi sinh, tử trần) xem xét, hoàn chỉnh, trình cấp có thẩm quyền theo quy định.

9. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Giám đốc các doanh nghiệp, hợp tác xã chịu trách nhiệm về thủ tục và nội dung hồ sơ trình khen thưởng gồm: Hồ sơ, thủ tục, quy trình, tính chính xác của thành tích và các nội dung liên quan đến thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

### **Điều 23. Thời gian tiếp nhận hồ sơ khen thưởng**

#### 1. Khen thưởng cấp tỉnh

a) Hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được, gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ) chậm nhất vào ngày 15 tháng 01 năm sau.

b) Hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng thành tích năm học của ngành giáo dục và đào tạo gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ) chậm nhất vào ngày 30 tháng 6 hàng năm.

c) Hồ sơ đề nghị khen thưởng sơ kết, tổng kết, khen thưởng chuyên đề gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ) trước ngày trao thưởng ít nhất 15 ngày làm việc.

d) Hồ sơ đề nghị khen thưởng đột xuất gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ) trước ngày trao thưởng ít nhất 05 ngày làm việc (trừ trường hợp đặc biệt theo ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh).

#### 2. Khen thưởng cấp Nhà nước

a) Hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước theo công trạng và thành tích đạt được, gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ) chậm nhất vào ngày 30 tháng 4 hàng năm (trừ trường hợp khen thưởng đột xuất, khen thưởng quá trình cống hiến và khen thưởng đối ngoại). Riêng hồ sơ đề nghị tặng Cờ thi đua Chính phủ gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ) chậm nhất vào ngày 01 tháng 3 năm sau.

b) Đối với danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”: Thời điểm đề nghị xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” là năm liền kề với năm có quyết định công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh. Hồ sơ gửi đến Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng thuộc Sở Nội vụ) chậm nhất vào ngày 31 tháng 8 hàng năm.

c) Hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước của ngành giáo dục và đào tạo gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ) chậm nhất vào ngày 31 tháng 8 hàng năm.

#### **Điều 24. Tuyến trình khen thưởng**

1. Cấp nào quản lý về tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và quỹ lương thì cấp đó có trách nhiệm khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý.

2. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân chuyên trách ở cấp tỉnh do Văn phòng Hội đồng nhân dân cấp tỉnh tổng hợp hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân chuyên trách ở cấp huyện, đại biểu Hội đồng nhân dân chuyên trách ở cấp xã do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

3. Tập thể, cá nhân làm chuyên trách công tác Đảng, đoàn thể: Cấp nào quản lý về tổ chức, cán bộ, công chức và quỹ lương thì cấp đó xét khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng;

a) Tập thể, cá nhân chuyên trách công tác đảng, đoàn thể thuộc cấp tỉnh do cơ quan đảng, đoàn thể trực tiếp quản lý xét, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

b) Tập thể chuyên trách công tác đảng, đoàn thể thuộc cấp huyện do cơ quan đảng, đoàn thể trực tiếp quản lý xét đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện khen thưởng hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

c) Đối với khen thưởng của Liên đoàn Lao động tỉnh, Liên đoàn Lao động cấp huyện; Công đoàn viên chức tỉnh; Công đoàn ngành cấp tỉnh; Công đoàn khu công nghiệp; Công đoàn Tổng Công ty và tương đương; Công đoàn cơ sở và cán bộ công đoàn chuyên trách hưởng lương từ ngân sách công đoàn thuộc các đơn vị nêu trên thực hiện theo quy định tại điểm d, Khoản 4, Điều 46 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

4. Đối với các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức nghề nghiệp thuộc tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

5. Đối với các tổ chức kinh tế:

a) Đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã: Cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc cấp giấy phép thành lập và hoạt động hoặc đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng. Đối với Quỹ tín dụng nhân dân do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng;

b) Đối với doanh nghiệp nhà nước: Ủy ban nhân dân tỉnh được giao thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng đối với doanh nghiệp nhà nước do mình quyết định thành lập hoặc được giao quản lý;

c) Đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ: Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng khi được giao thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp.

d) Đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ: tuyển trình khen thưởng thực hiện theo quy định tại điểm a khoản này.

6. Đối với công nhân, người lao động thuộc các Doanh nghiệp, Hợp tác xã do Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, hợp tác xã khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng.

7. Đối với nông dân và nhân dân thuộc địa bàn quản lý của cấp xã do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng.

**Điều 25. Quy định về hiệp y khen thưởng**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện hiệp y khen thưởng khi có văn bản của Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương theo quy định tại Điều 47 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Trong quá trình thẩm định, xét duyệt hồ sơ đề nghị khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nội vụ lấy ý kiến hiệp y của các cơ quan có liên quan khi cần thiết.

**Chương V**

**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG VÀ HỘI ĐỒNG THI ĐUA, KHEN THƯỞNG CÁC CẤP**

**Mục 1**

**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CÔNG TÁC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG**

**Điều 26. Tuyên truyền, phổ biến nhân rộng điển hình tiên tiến**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hàng năm có trách nhiệm tổ chức triển khai những nội dung sau:

a) Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền tư tưởng thi đua yêu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh; chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng;

b) Xây dựng kế hoạch tổ chức tuyên truyền nhân rộng những điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt, lựa chọn tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu trong phong trào thi đua để biểu dương, tôn vinh, khen thưởng kịp thời.

2. Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ phối hợp với các cơ quan thông tin truyền thông đẩy mạnh công tác tuyên truyền tư tưởng thi đua yêu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng; biểu dương, tôn vinh, nhân rộng các điển hình tiên tiến trong các phong trào thi đua trên phạm vi toàn tỉnh.

### **Điều 27. Đào tạo, bồi dưỡng**

Cơ quan chuyên trách làm công tác thi đua, khen thưởng các cấp xây dựng kế hoạch hàng năm để tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ làm thi đua, khen thưởng.

### **Điều 28. Thanh tra, kiểm tra**

1. Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ tham mưu cho Hội đồng thi đua, khen thưởng tỉnh xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát công tác thi đua, khen thưởng; kịp thời bổ sung biện pháp nâng cao chất lượng công tác thi đua, khen thưởng, hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ về công tác thi đua, khen thưởng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh.

2. Cơ quan chuyên trách làm công tác thi đua, khen thưởng các cấp tham mưu cho Hội đồng thi đua, khen thưởng xây dựng kế hoạch hàng năm, tổ chức kiểm tra việc tổ chức phong trào thi đua và thực hiện chính sách pháp luật về thi đua, khen thưởng.

## **Mục 2**

### **HỘI ĐỒNG THI ĐUA, KHEN THƯỞNG CÁC CẤP**

#### **Điều 29. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng thi đua, khen thưởng**

1. Là cơ quan tham mưu cho cấp ủy, chính quyền về công tác thi đua, khen thưởng của địa phương.

2. Tham mưu cho người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền;

3. Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và từng giai đoạn của cơ quan, đơn vị, địa phương.

4. Đôn đốc kiểm tra và giám sát việc thực hiện các chủ trương, chính sách về thi đua, khen thưởng của các cơ quan, đơn vị, địa phương trực thuộc quản lý.

5. Tham mưu cho người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng cho các tập thể, cá nhân theo thẩm quyền.

### **Điều 30. Thẩm quyền thành lập và cơ cấu Hội đồng thi đua, khen thưởng**

1. Hội đồng thi đua, khen thưởng tỉnh

a) Thẩm quyền thành lập:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập Hội đồng thi đua, khen thưởng tỉnh.

b) Cơ cấu Hội đồng thi đua, khen thưởng tỉnh:

- Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Hội đồng có từ 03 đến 04 Phó Chủ tịch và các ủy viên do Chủ tịch Hội đồng quyết định.

- Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ là cơ quan thường trực của Hội đồng thi đua, khen thưởng tỉnh.

2. Hội đồng thi đua, khen thưởng của sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh

a) Thẩm quyền thành lập:

Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh quyết định thành lập Hội đồng thi đua, khen thưởng của sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh.

b) Cơ cấu Hội đồng thi đua, khen thưởng sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh:

- Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc, Thủ trưởng cơ quan sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh.

- Hội đồng có từ 01 đến 02 Phó Chủ tịch, gồm: Cấp phó của người đứng đầu; Chủ tịch công đoàn cùng cấp.

- Các thành viên Hội đồng là lãnh đạo các đơn vị trực thuộc và một số phòng, ban chức năng, chuyên môn thuộc sở, ban, ngành, tổ chức; đại diện các tổ chức đoàn thể cùng cấp do Chủ tịch Hội đồng quyết định.

- Cơ quan chuyên trách làm công tác thi đua, khen thưởng của các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh là văn phòng hoặc phòng hành chính của các sở,

ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh hoặc phòng, ban chuyên môn do các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh giao nhiệm vụ.

### 3. Hội đồng thi đua, khen thưởng của các doanh nghiệp, hợp tác xã

#### a) Thẩm quyền thành lập:

Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc, Tổng giám đốc doanh nghiệp, Hợp tác xã quyết định thành lập Hội đồng thi đua, khen thưởng của doanh nghiệp, hợp tác xã.

#### b) Cơ cấu Hội đồng thi đua, khen thưởng của các doanh nghiệp, hợp tác xã:

- Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc, Tổng giám đốc doanh nghiệp, Hợp tác xã;

- Phó Chủ tịch Hội đồng có từ 01 đến 02 Phó Chủ tịch, gồm: Cấp phó của người đứng đầu; Chủ tịch công đoàn của doanh nghiệp.

- Các thành viên Hội đồng là lãnh đạo các phòng, đơn vị trực thuộc và đại diện các tổ chức đoàn thể của doanh nghiệp do Chủ tịch Hội đồng quyết định.

- Cơ quan chuyên trách làm công tác thi đua, khen thưởng của các doanh nghiệp do Chủ tịch hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc, Tổng Giám đốc doanh nghiệp, Hợp tác xã quyết định.

### 4. Hội đồng thi đua, khen thưởng cấp huyện

#### a) Thẩm quyền thành lập:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập Hội đồng thi đua, khen thưởng cấp huyện.

#### b) Cơ cấu Hội đồng thi đua, khen thưởng cấp huyện gồm:

- Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Hội đồng có từ 02 đến 03 Phó Chủ tịch Hội đồng và các ủy viên do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định.

- Phòng Nội vụ là cơ quan thường trực của Hội đồng thi đua, khen thưởng cấp huyện

### 5. Hội đồng thi đua, khen thưởng cấp xã

#### a) Thẩm quyền thành lập:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập Hội đồng thi đua, khen thưởng cấp xã

#### b) Cơ cấu Hội đồng thi đua, khen thưởng cấp xã gồm:

- Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Hội đồng có từ 01 đến 02 Phó Chủ tịch Hội đồng và các ủy viên do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định.

- Bộ phận chuyên trách làm công tác thi đua, khen thưởng cấp xã là công chức Văn phòng – thống kê.

## **Chương VI**

### **QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG**

#### **Mục 1**

#### **LẬP, SỬ DỤNG VÀ QUẢN LÝ QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG**

##### **Điều 31. Quỹ thi đua, khen thưởng**

1. Lập quỹ thi đua, khen thưởng để tổ chức các phong trào thi đua và thực hiện chính sách, chế độ về khen thưởng.

2. Quỹ thi đua, khen thưởng được hình thành từ ngân sách nhà nước, từ quỹ khen thưởng của các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài và các nguồn thu hợp pháp khác.

3. Nghiêm cấm sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng vào mục đích khác.

##### **Điều 32. Nguồn và mức trích quỹ**

1. Quỹ thi đua, khen thưởng của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã được hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước hàng năm trong tổng chi ngân sách thường xuyên đối với mỗi cấp ngân sách thuộc tỉnh và được phân bổ ngay từ đầu năm theo tỷ lệ sau:

a) Quỹ thi đua, khen thưởng của sở, ban, ngành cấp tỉnh được hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước hàng năm với mức tối đa bằng 20% tổng quỹ tiền lương theo ngạch, bậc của cán bộ, công chức, viên chức trong biên chế và tiền công được duyệt cả năm và từ nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài.

b) Quỹ thi đua, khen thưởng của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã được hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước hàng năm với mức tối đa bằng 1,5% chi ngân sách thường xuyên đối với mỗi cấp ngân sách và từ nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài.

2. Quỹ thi đua, khen thưởng của tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức chính trị - xã hội được cấp từ nguồn ngân sách nhà nước và từ nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, ngoài nước.

3. Quỹ thi đua, khen thưởng của các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, nghề nghiệp do các tổ chức này tự quyết định từ nguồn

khả năng tài chính của mình và từ nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài.

4. Quỹ thi đua, khen thưởng của các doanh nghiệp nhà nước được trích từ quỹ thi đua, khen thưởng của cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản doanh nghiệp.

5. Việc thành lập, quản lý, sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế (trừ các doanh nghiệp nhà nước quy định tại khoản 4 Điều này) do doanh nghiệp tự quyết định, tự chịu trách nhiệm sau khi thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của Nhà nước.

6. Quỹ thi đua, khen thưởng của các Hợp tác xã nông, lâm, ngư nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, Hợp tác xã vận tải, Hợp tác xã xây dựng, Hợp tác xã nghề cá, nghề muối và trong các lĩnh vực khác được trích từ quỹ không chia của Hợp tác xã (mức trích do Hợp tác xã quyết định) và nguồn đóng góp của các cá nhân, tổ chức trong nước, ngoài nước.

### **Điều 33. Quản lý Quỹ thi đua, khen thưởng**

1. Quỹ thi đua, khen thưởng của cấp nào do cơ quan thi đua, khen thưởng phối hợp với cơ quan tài chính cấp đó quản lý và sử dụng theo tỷ lệ quy định trên cơ sở dự toán; việc quyết toán căn cứ số chi thực tế theo đúng chế độ, chính sách quy định.

2. Thủ trưởng cơ quan các cấp chịu trách nhiệm chi tiền thưởng cho các tập thể, cá nhân thuộc biên chế, quỹ lương do cấp mình quản lý và hạch toán chi theo quy định.

### **Điều 34. Sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng**

1. Quỹ thi đua, khen thưởng được dùng để chi trong việc tổ chức thực hiện phong trào thi đua và chi thưởng đối với danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng mà thành tích đạt được trong thời kỳ đổi mới (trừ trường hợp danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng) và được sử dụng để:

a) Chi cho in ấn, làm hiện vật khen thưởng (Giấy chứng nhận, Giấy khen, Bằng khen, Huân chương, Huy chương, Huy hiệu, Kỷ niệm chương, Cờ thi đua, hộp, khung).

b) Chi tiền thưởng hoặc tặng phẩm lưu niệm cho các cá nhân, tập thể.

c) Trích 20% trong tổng quỹ thi đua, khen thưởng của từng cấp để chi tổ chức, chỉ đạo, sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua; công tác tuyên truyền, phổ

biến nhân điển hình tiên tiến; thanh tra, kiểm tra và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về công tác thi đua, khen thưởng.

## 2. Nguyên tắc tính tiền thưởng:

a) Tiền thưởng cho tập thể, cá nhân được khen thưởng được tính trên cơ sở mức lương cơ sở do Chính phủ quy định đang có hiệu lực vào thời điểm ban hành quyết định công nhận các danh hiệu thi đua, danh hiệu vinh dự Nhà nước hoặc quyết định khen thưởng.

b) Tiền thưởng sau khi nhân với hệ số mức lương cơ sở được làm tròn số lên hàng chục nghìn đồng tiền Việt Nam.

c) Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cao hơn thì mức tiền thưởng cao hơn.

d) Trong cùng một hình thức, cùng một mức khen, mức tiền thưởng đối với tập thể cao hơn mức tiền thưởng đối với cá nhân; mức tiền thưởng của hộ gia đình được tính bằng mức tiền thưởng đối với cá nhân; mức tiền thưởng của nhóm tác giả, nhóm nghệ sỹ, nghệ nhân, diễn viên, vận động viên... cùng lập được một thành tích được tính bằng mức tiền thưởng đối với cá nhân.

đ) Trong cùng một thời điểm, cùng một thành tích, một đối tượng nếu đạt nhiều danh hiệu thi đua có mức tiền thưởng khác nhau thì nhận mức tiền thưởng cao nhất.

e) Trong cùng một thời điểm, một đối tượng đạt nhiều danh hiệu thi đua, thời gian để đạt được các danh hiệu thi đua đó khác nhau thì được nhận tiền thưởng của các danh hiệu thi đua.

g) Trong cùng một thời điểm, một đối tượng vừa đạt danh hiệu thi đua vừa đạt hình thức khen thưởng thì được nhận tiền thưởng của danh hiệu thi đua và tiền thưởng của hình thức khen thưởng.

h) Người Việt Nam ở nước ngoài, cá nhân tập thể người nước ngoài, được khen các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng và kèm theo tặng phẩm lưu niệm.

## Mục 2

### MỨC TIỀN THƯỞNG VÀ CHẾ ĐỘ ƯU ĐÃI

#### **Điều 35. Mức tiền thưởng và các chế độ ưu đãi**

Mức tiền thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và các chế độ ưu đãi thực hiện theo quy định tại các Điều 69, Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73, Điều 74 và Điều 75 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

**Chương VII****QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA CÁ NHÂN, TẬP THỂ; TƯỚC VÀ PHỤC HỒI DANH HIỆU**

**Điều 36. Quyền, nghĩa vụ của cá nhân, tập thể trong thi đua, khen thưởng; hủy bỏ quyết định khen thưởng; thủ tục, hồ sơ tước hoặc phục hồi danh hiệu**

Quyền, nghĩa vụ của cá nhân, tập thể trong thi đua, khen thưởng; hủy bỏ quyết định khen thưởng; thủ tục, hồ sơ tước hoặc phục hồi danh hiệu thực hiện theo quy định tại các Điều 76, Điều 77, Điều 78, Điều 79 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

**Chương VIII****ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH****Điều 37. Tổ chức thực hiện**

Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, xã, phường, thị trấn; các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc yêu cầu các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Nội vụ để nghiên cứu, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. /

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Hoàng Xuân Ánh**